

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BỂ
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-6-2023.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ninh Nông Nghĩa.**
Bà **Nguyễn Thị Nga.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ưu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Thào Văn K**, sinh năm 1993. Có mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Chị **Sùng Thị S**, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Thào Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi xây dựng gia đình với chị Sùng Thị S trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn năm 2013. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2020 do hai vợ chồng hay cãi chửi nhau, bất đồng về

quan điểm sống. Vợ chồng tôi đã sống ly thân từ tháng 05/2022 cho đến nay, quá trình sống ly thân không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị Tòa án cho ly hôn với chị Sùng Thị S.

Về con chung: Hai vợ chồng tôi có 01 con chung là Thảo Văn Q sinh ngày 16/4/2012, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay con đang ở với tôi và bố mẹ đẻ tôi.

Khi ly hôn tôi đề nghị giao con chung cho tôi trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn chị Sùng Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn năm 2013. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, hai vợ chồng tôi đã sống ly thân từ tháng 5/2022, do anh K ngoại tình với người khác là ai thì tôi không biết rõ, quá trình sống ly thân không liên lạc gì với nhau để hàn gắn tình cảm. Tôi không đồng ý ly hôn vì tôi vẫn còn có tình cảm với anh K.

Về con chung: Hai vợ chồng tôi có 01 con chung là Thảo Văn Q sinh ngày 16/4/2012, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện đang sống với ông bà nội (bố mẹ anh K). Cháu đang học lớp 5 tại trường tiểu học N, xã N, huyện B. Tôi không đồng ý ly hôn nên tôi cũng không đồng ý chia con chung. Nếu phải ly hôn thì tôi có nguyện vọng được nuôi con, yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai con chung của anh K và chị S, cháu Thảo Văn Q trình bày: Cháu có nguyện vọng sống với bố cháu là Thảo Văn K vì bố chăm sóc, nuôi dưỡng cháu tốt hơn. Trước đây mẹ ở cùng với cháu cũng không thương cháu như ông bà nội và bố cháu, mẹ không quan tâm, chăm sóc cháu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành các giấy triệu tập phiên tòa của Tòa án là vi phạm quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của anh Thảo Văn K:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Thảo Văn K được ly hôn chị Sùng Thị S.
- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Thảo Văn Q sinh ngày 16/4/2012 cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị Sùng Thị S được phép đi lại thăm nom con không ai được cản trở.
- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu vì vậy đề nghị không xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu vì vậy đề nghị không xem xét.
- Về án phí: Anh Thảo Văn K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Sùng Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Thảo Văn K và chị Sùng Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn năm 2013. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về phía anh K trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Phía chị S trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai cũng thừa nhận quá trình chung sống hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2022, do anh K ngoại tình với người khác là ai thì chị S không biết rõ, quá trình sống ly thân không liên lạc gì với nhau để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, chị S lại không nhất trí ly hôn và mong muốn được đoàn tụ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, để xem xét về tình trạng hôn nhân của anh K và chị S, Tòa án đã tiến hành xác minh trường thôn và chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn Đ, xã N, huyện B nơi sinh sống của vợ chồng chị S, anh K sau khi kết hôn thể hiện: Quá trình chung sống tại địa phương anh K, chị S có sự mâu thuẫn vợ chồng, thôn đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn một lần nhưng hai vợ chồng không đoàn tụ được, thôn cũng không lập biên bản hòa giải. Từ tháng

5/2022, do mâu thuẫn với anh K chị S bỏ đi khỏi nhà và không thấy trở về nữa, mãi đến thời gian gần đây chị S thỉnh thoảng có về địa phương.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị S đã có sự mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên. Tháng 5/2022 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị S đã bỏ đi khỏi nhà và hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, quá trình sống ly thân không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị S và anh K cũng không có bất kỳ động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị S không chấp hành các giấy triệu tập đến phiên tòa xét xử của Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Điều này càng thể hiện chị S không có thiện chí hàn gắn tình cảm với anh K. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Thảo Văn K là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Hai vợ chồng anh K và chị S có 01 con chung là Thảo Văn Q sinh ngày 16/4/2012, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay cháu Q đang ở với anh K và bố mẹ đẻ anh K. Tại đơn ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh K có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Sùng Thị S không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu chia con chung nhưng nếu phải ly hôn thì chị S có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con đến khi con chung đủ 18 tuổi và yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho vợ hoặc chồng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phải căn cứ vào các điều kiện để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Cháu Thảo Văn Q hiện nay đã trên 7 tuổi, tại biên bản lấy lời khai cháu Q trình bày nguyện vọng của cháu khi bố mẹ ly hôn là được sống với bố Thảo Văn K vì bố chăm sóc, nuôi dưỡng cháu tốt hơn. Trước đây mẹ ở cùng với cháu cũng không thương cháu như ông bà nội và bố cháu, mẹ cũng không quan tâm, chăm sóc cháu. Về điều kiện kinh tế thì anh K, chị S thuộc hộ nghèo. Chị S và anh K đều lao động tự do, chị S khai thu nhập mỗi tháng được 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh, anh K khai mỗi tháng thu nhập được 10.000.000 đồng có xác nhận thuê nhân công và trả lương của người chủ sử dụng lao động của anh K. Cháu Q hiện đang sống với anh K và bố mẹ đẻ anh K vẫn được bố mẹ anh K và anh K trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Vì gia đình thuộc hộ nghèo còn khó khăn nên anh K phải đi làm và đưa tiền về cho bố mẹ anh K nuôi con mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Mặt khác, chị S bỏ đi từ tháng 5/2022 cho đến nay không trở về nhà, không sinh sống cùng với gia đình, anh K và con, cũng không gửi tiền về để nuôi con. Như vậy, chị S đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ được quy định tại Điều 69 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tại phiên tòa về con chung anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu: Khi ly hôn giao con chung cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng anh K không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lẽ đó, cần giao con chung cho anh K được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với các quy định của pháp luật. Trên cơ sở nguyện vọng của con chung và điều kiện nuôi con của các bên đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng giao con chung cho anh K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo tốt hơn khi giao cho chị S. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý, giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Thảo Văn K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của anh Thảo Văn K. Anh Thảo Văn K được ly hôn chị Sùng Thị S.

2. Về con chung: Giao con chung là Thảo Văn Q sinh ngày 16/4/2012 (con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường) cho anh Thảo Văn K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Sùng Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Thảo Văn K phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001122 ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận anh K đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- UBND xã Nam Mẫu;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Anh Tuấn